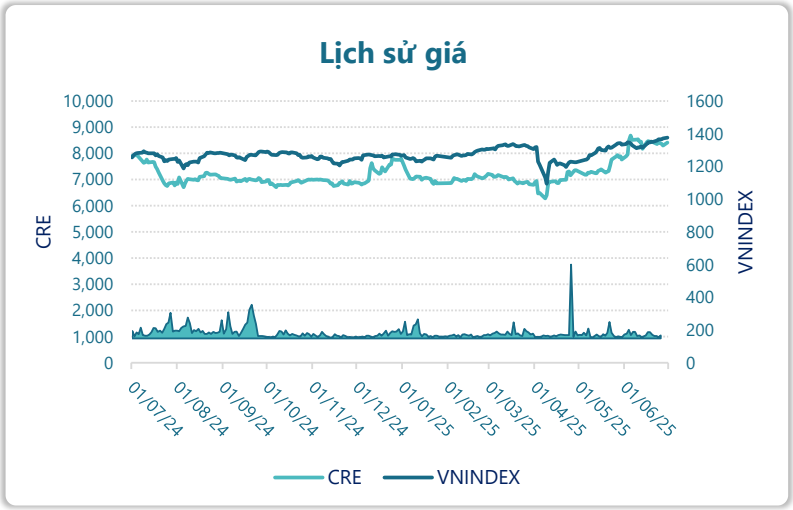
FireAnt

CTCP Bất động sản Thế Kỷ (HSX: CRE)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,410**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,680
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,280
SL cổ phiếu LH	463,678,426
KLGD BQ 20 phiên (CP)	271,670
% sở hữu nước ngoài	4.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,900
P/E	57.3
EPS	147

DT thuần

Q2/25

350

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 196| 127%

YoY: ▲ 17.0| 5.0%

LN sau thuế

Q2/25

40.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.6| 1201%

YoY: ▲ 32.7| 409%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

20.8%

+/- YoY: ▲ 11.8%

DT thuần

6T 2025

504

tỷ VNĐ

YoY: ▼323| -39.0%

LN sau thuế

6T 2025

43.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.8| 174%

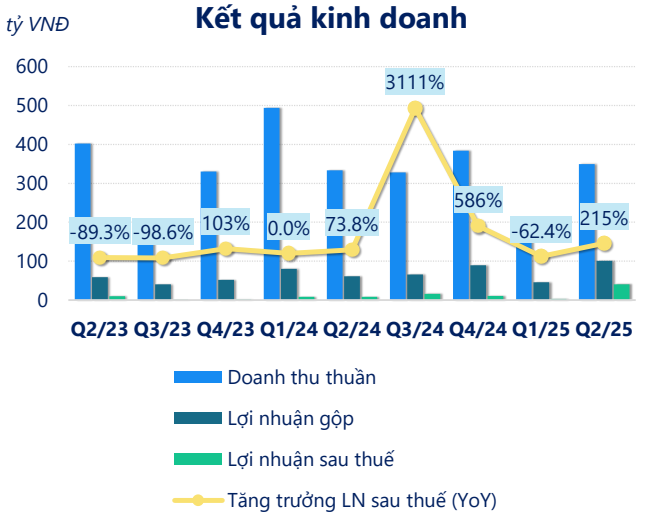
ROE

Q2/25

1.2%

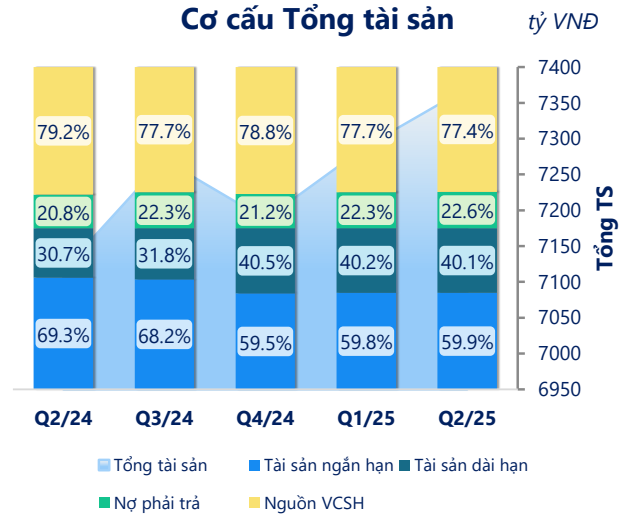
+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh



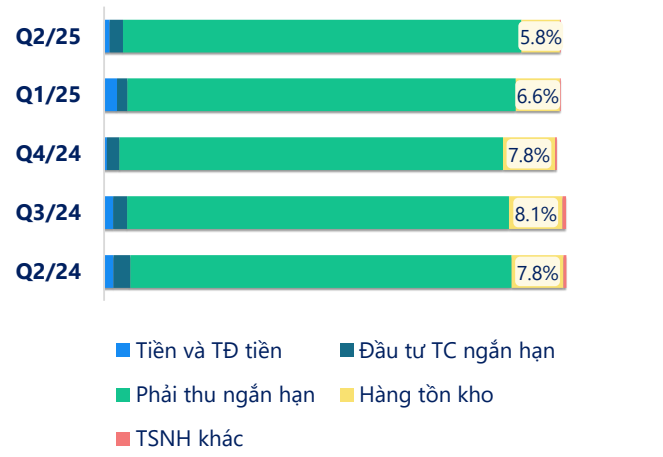
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



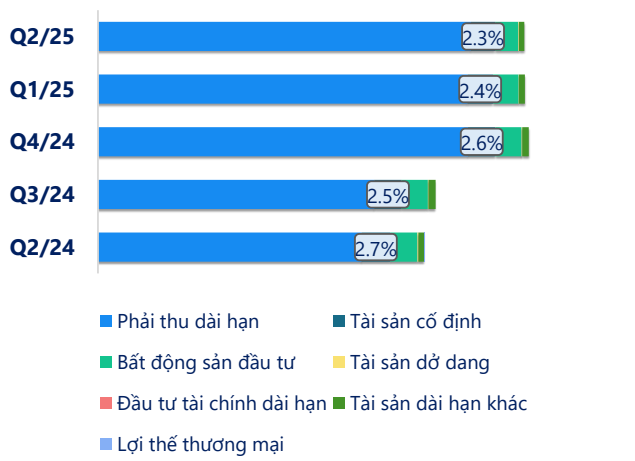
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



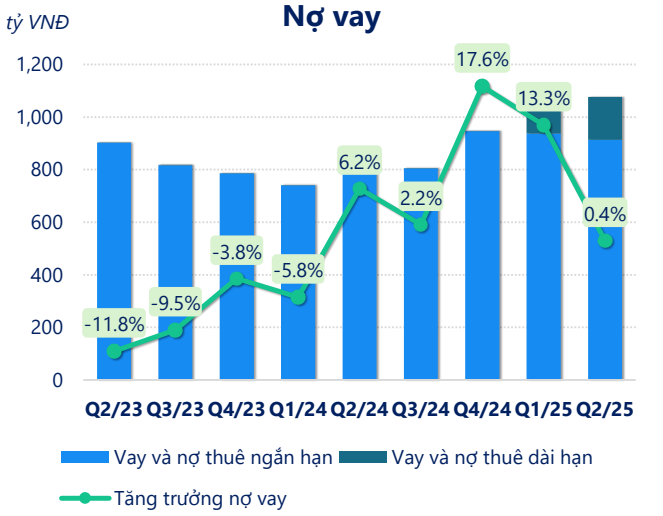
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



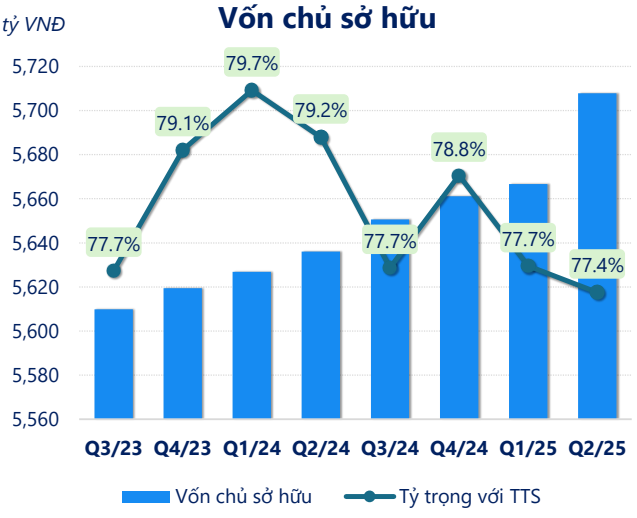
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



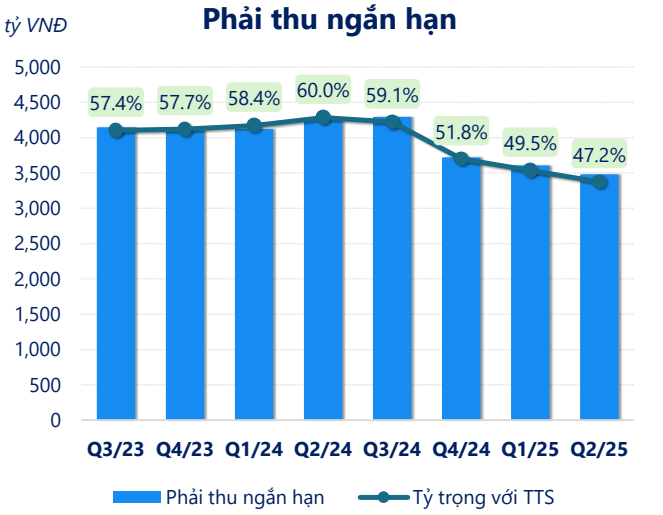
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



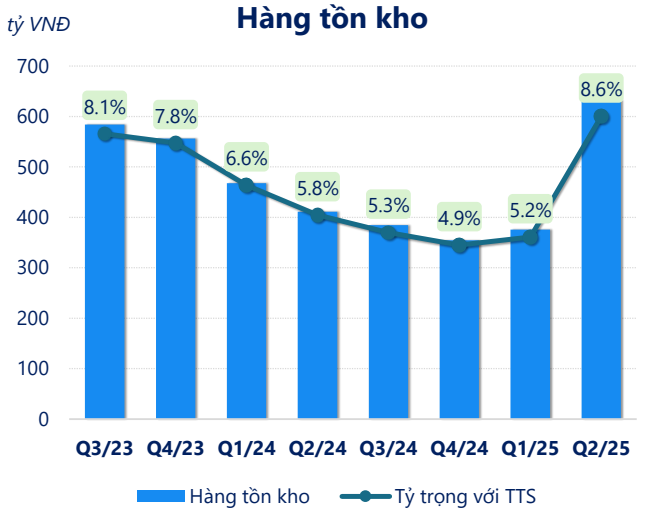
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



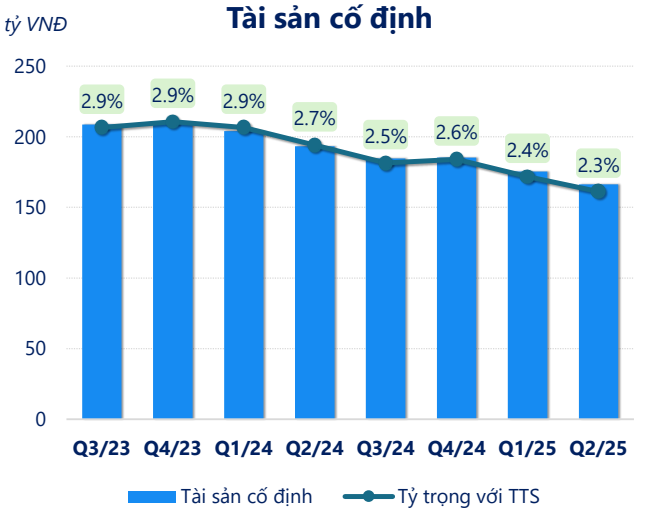
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



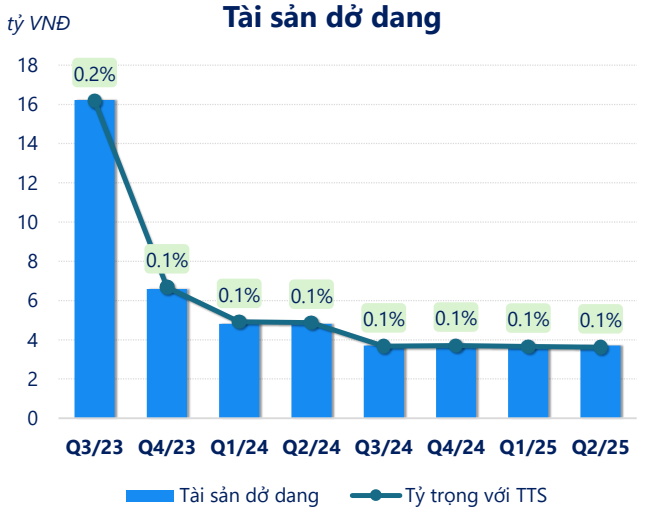
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



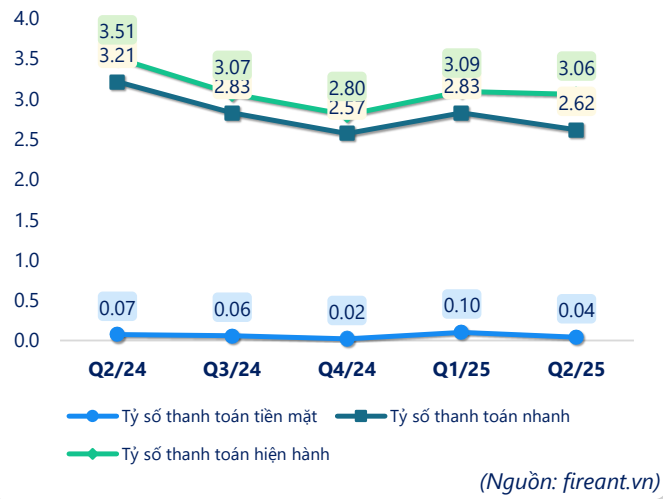
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



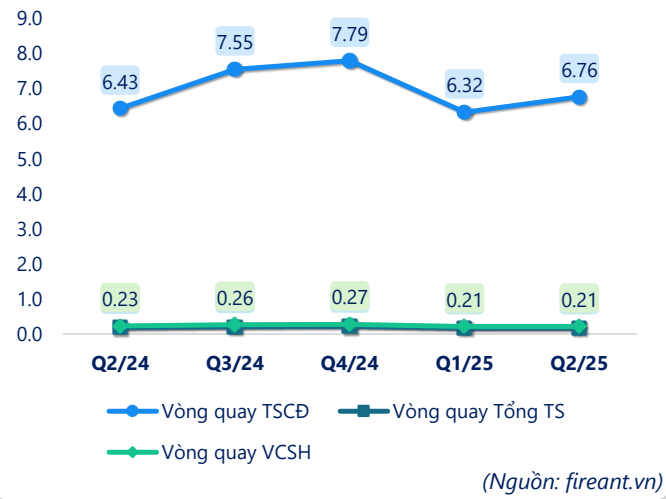
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,116**	**7,271**	**7,187**	**7,289**	**7,371**
Tài sản ngắn hạn	**4,933**	**4,962**	**4,276**	**4,363**	**4,415**
Tiền và tương đương tiền	102	98.0	31.0	142	60.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	175	157	227	225
Phải thu ngắn hạn	4,269	4,295	3,722	3,608	3,482
Hàng tồn kho	411	384	354	376	632
Tài sản ngắn hạn khác	7.84	9.01	11.6	9.79	16.6
Tài sản dài hạn	**2,183**	**2,309**	**2,911**	**2,927**	**2,956**
Phải thu dài hạn	1,763	1,890	2,501	2,532	2,586
Tài sản cố định	193	185	185	175	166
Bất động sản đầu tư	182	181	177	175	161
Tài sản dở dang	4.82	3.71	3.71	3.71	3.71
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	39.3	49.3	44.5	40.5	38.8
Lợi thế thương mại	0.76	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,480**	**1,620**	**1,526**	**1,623**	**1,663**
Nợ ngắn hạn	**1,407**	**1,619**	**1,525**	**1,410**	**1,445**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	788	804	946	937	914
Phải trả người bán ngắn hạn	124	165	134	112	161
Nợ dài hạn	73.5	1.29	0.89	213	218
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.76	0.51	135	163
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,636**	**5,651**	**5,661**	**5,667**	**5,708**
Vốn chủ sở hữu	**5,636**	**5,651**	**5,661**	**5,667**	**5,708**
Vốn điều lệ	4,637	4,637	4,637	4,637	4,637
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)